

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 9 - 2022

“*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Ông Đoàn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 438/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U', sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp HL, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp HL, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị U' vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Huỳnh Văn T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị U' trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn vào tại Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống lúc đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, không còn hòa hợp, do bất đồng quan điểm. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được do đó đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà có với nhau 03 đứa con chung tên Huỳnh Hữu Nhân, sinh ngày 26/01/1996; Huỳnh Hữu Thái, sinh ngày 10/3/1999 và Huỳnh Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 02/9/2006. Hiện nay Huỳnh Hữu Nhân và Huỳnh Hữu Thái đã thành niên, có đầy đủ sức khỏe nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Huỳnh Thị Cẩm Tiên hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi Huỳnh Thị Cẩm Tiên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được khoảng 254,3m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Hưng Lợi, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 24, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01312Nf do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 19/11/2007 cho ông T, bà U', giá trị đất khoảng 400.000.000đ. Trên đất có 01 căn nhà cấp 04, kết cấu nền gạch men, tường gạch, cột bê tông, mái tole, diện tích ngang 5,3m đến 7,5m, dài 23m, trị giá khoảng 400.000.000đ. Bà yêu cầu chia đôi tài sản trên, bà nhận hiện giá trị là 400.000.000đ.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 15/8/2019, Tòa án thụ lý vụ án “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo đơn khởi kiện của ông T. Sau khi bà U' có văn bản trình bày ý kiến thì ông T rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng bà U' vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung như nội dung trên. Do đó, Tòa án đã đình chỉ yêu cầu của ông T và thay đổi địa vị tố tụng.

Ngày 31/3/2022, bà U' tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án đã tách vụ án tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ giải quyết đối với vụ án này.

Bị đơn ông T vắng mặt các lần toà án triệu tập, mặc dù không có văn bản trình bày ý kiến nhưng có đơn khởi kiện ly hôn thể hiện tình trạng hôn nhân, của vợ chồng như trình bày của bà U'; đối với con chung thì theo nguyện vọng của con, người nào trực tiếp nuôi thì người kia không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. HĐXX đã công bố toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp*: Bà U' yêu cầu ly hôn và nuôi con với ông T. Do đó, HĐXX xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con. Ông T có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về tài liệu, chứng cứ:* Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp cho ông T. Do đó, Toà án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai, tiếp cận để giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] *Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự:* Bà U vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà U và ông T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

HĐXX thấy rằng, bà U và ông T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú. Do đó, hôn nhân giữa bà U và ông T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà U cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. HĐXX thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử toà án đã thực hiện thủ tục hoà giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông T không còn mong muốn tiếp tục đoàn tụ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tuy nhiên, bà U và ông T đã ly thân từ năm 2012 đến nay là một thời gian rất dài, điều này thể hiện ông bà đã không thực hiện được tình nghĩa của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Do đó, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà U đối với ông T là phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về quan hệ con chung:*

HĐXX thấy rằng, bà U và ông T có 03 con chung tên Huỳnh Hữu Nhân, sinh ngày 26/01/1996; Huỳnh Hữu Thái, sinh ngày 10/3/1999 và Huỳnh Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 02/9/2006. Hiện nay Huỳnh Hữu Nhân và Huỳnh Hữu Thái đã thành niên và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với Huỳnh Thị Cẩm Tiên từ lúc vợ chồng ông bà ly thân đến nay Huỳnh Thị Cẩm

Tiên do bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy vẫn đảm bảo cuộc sống của cháu. Mặc khác, Huỳnh Thị Cẩm Tiên có văn bản trình bày ý kiến là có nguyện vọng sống chung với bà U. Do đó, nhằm đảm bảo sự ổn định về tâm lý, cuộc sống và sinh hoạt của cháu nên HĐXX tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Cẩm Tiên cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng nguyện vọng của cháu và bà U.

Về cấp dưỡng nuôi con, HĐXX thấy rằng bà U không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông T không có ý kiến đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

HĐXX thấy rằng, bà U đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án đã tách vụ án và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, ông T không có ý kiến đối với vấn đề này và nợ chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị U đối với ông Huỳnh Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 229 ngày 21/10/2005 của UBND xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao Huỳnh Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 02/9/2006 cho bà Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng ông Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị U' phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003603 ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã Đào Hữu Cảnh, H.Châu Phú;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hòa